

Bản án số: 11/2026/HC-PT

Ngày 24 - 9 - 2026

V/v khiếu kiện quyết định và hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Đặng Minh Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 13/2026/TLPT-HC ngày 03 tháng 8 năm 2026, về việc “Khiếu kiện quyết định và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2026/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Ông Trương Văn H, sinh năm 1969; Căn cước công dân số: 096069000185.

Địa chỉ: Ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đinh Văn D, sinh năm 1958; Căn cước công dân số: 096058004816 (Hợp đồng uỷ quyền chứng thực ngày 27/10/2025, có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Văn H: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số A, đường N, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau (viết tắt: UBND).

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Việt T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Việt T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ: ông Trần Viết L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau (*vắng mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND xã Đ: Ông Lê Thanh M – Phó Trưởng Phòng Kinh tế xã Đ (*vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kháng D1 – Thủ trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh C (*vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Số E T, khóm D, phường T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Văn H là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Người khởi kiện, ông Trương Văn H trình bày:*** Ngày 14/10/2024, UBND xã Đ ban hành phương án hỗ trợ dự án nhưng không áp dụng đầy đủ các điều khoản về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Luật Đất đai 2024 (các Điều 102, 103, 104, 107, 109, 117). Ông H đã khiếu nại lần đầu (ngày 19/5/2025) nhưng bị UBND xã Đ, tỉnh Cà Mau bác yêu cầu khiếu nại bằng Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 03/10/2025; Quyết định này cho rằng đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng nên không bồi thường giá trị đất, chỉ hỗ trợ về đất, cây trồng, vật nuôi, nhà ở đồng thời chỉ hỗ trợ 40% theo Quyết định 41/2019/QĐ-UBND (ban hành theo Luật Đất đai 2013). Ông cho rằng việc áp dụng này là sai căn cứ pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Công văn trả lời số 766/UBND-NC ngày 17/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; huỷ Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của UBND xã Đ; buộc Chủ tịch xã Đ thực hiện bồi thường giá trị đất đối với diện tích 12.229,4m² tại thửa số 20, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau; cây trồng, vật nuôi, nhà ở, vật kiến trúc gắn liền với đất, đầu tư chi phí vào đất, chi phí di chuyển tài sản, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho ông theo Luật Đất đai năm 2024; buộc Chủ tịch UBND xã Đ thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

*** *Đối với người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông H khiếu kiện.

** Tại phiên tòa:*

Ông Đinh Văn D trình bày: Bảo lưu yêu cầu khiếu kiện. Nguồn gốc đất của ông Trương Văn H là nhận chuyển nhượng từ ông Trịnh Ngọc Á vào năm 1997, đất ông Á không có giấy chứng nhận quyền sử dụng; hợp đồng chuyển nhượng được lập thành văn bản (giấy tay), có sự xác nhận của Ban nhân dân ấp nhưng không được công chứng, chứng thực. Đến nay ông H vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H đã nhận tiền bồi thường và hỗ trợ rồi, đối với cây rừng trên đất ngoài việc nhận bồi thường từ Nhà nước 164.200.000 đồng thì ông H đã khai thác và bán với giá 24.000.000 đồng; phần đất bị thu hồi hiện nay ông H vẫn quản lý, sử dụng. Về chi phí tố tụng yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Trương Văn H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông D.

Ông Lê Thanh M trình bày: Không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, về phương án bồi thường, hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã Đ đã áp dụng đúng quy định pháp luật, căn cứ vào Luật đất đai năm 2024; Công văn 441/UBND-NNTN ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân tại sân bay N. Do đất của ông Trương Văn H có nguồn gốc là đất Quốc phòng nên chỉ được hỗ trợ 40%, các cây trồng, tài sản trên đất đã bồi thường xong. Ông H đã nhận tiền và cam kết giao đất cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã Đ và Hội đồng đã giao phần đất này cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh C để bàn giao cho Cục G. Về chi phí tố tụng đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Trung K trình bày: Nguồn gốc đất trước ngày 07/6/1992 do Đơn vị K51 thuộc Vùng 5 Hải quân quản lý, sử dụng, Từ ngày 07/6/1992, Quân khu I giao cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện N, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh M quản lý. Do đất thu hồi của ông Trương Văn H là đất Quốc phòng nên việc Ủy ban nhân dân xã Đ không bồi thường giá trị đất là hợp pháp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H về việc: Yêu cầu hủy Công văn trả lời số 766/UBND-NC ngày 17/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; yêu cầu hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã Đ; buộc Chủ tịch xã Đ thực hiện bồi thường giá trị đất đối với diện tích 12.229,4m² tại thửa số 20, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau, cây trồng, vật nuôi, nhà ở, vật kiến trúc gắn liền với đất, đầu tư chi phí vào đất, chi phí di chuyển tài sản, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho ông theo Luật Đất đai năm 2024; buộc Chủ tịch UBND xã Đ thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, ông Trương Văn H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện người khởi kiện trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Bởi lẽ, Bản án sơ thẩm nhận định nguồn gốc đất là đất quốc phòng là không chính xác, ông H đã sử dụng đất từ năm 1989 được chính quyền địa phương thừa nhận tại biên bản cuộc họp ngày 19/10/1989 của UBND huyện N, ông H có đóng thuế đất từ khi sử dụng cho đến nay. Ngoài ra, năm 1994, UBND tỉnh cấp đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh M không tuân thủ quy định về pháp luật đất đai về thu hồi đất; Ngày 27/02/2015, Bộ Q có văn bản số 1584/BQP-PM về việc chuyển giao đất quốc phòng do Quân Khu 9 quản lý cho tỉnh Cà Mau quản lý nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét yếu tố này. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng còn nhiều sai sót trong thu thập, xác minh nguồn gốc đất; Hội đồng xét xử không đánh giá khách quan các chứng cứ, luận cứ bảo vệ của người khởi kiện.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, các bên đương sự đã chấp hành đúng quy định Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm có vi phạm về tố tụng là chưa thu thập đầy đủ hồ sơ giải quyết khiếu nại; Tòa án lập biên bản vắng mặt đương sự tại phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, nhưng không tiến hành công khai chứng cứ là vi phạm quy định tại Điều 137, 138, 139 Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Trương Văn H thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng:

- UBND xã Đ, tỉnh Cà Mau; Chủ tịch UBND xã Đ, tỉnh Cà Mau; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND xã Đ, tỉnh Cà Mau vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 của Luật tố tụng hành chính. Xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông H yêu cầu hủy Công văn trả lời số 766/UBND-NC ngày 17/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; yêu cầu hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã Đ, hộ dân bị ảnh hưởng khi thực hiện Dự án vị trí đóng quân Cục 72/Tổng cục G, tại khóm C và khóm S, thị trấn N, huyện N (lần đầu); do đó, quan hệ pháp luật là "khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" theo quy định tại Điều 22 Luật đất đai và các Quyết định này là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, được quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

- Xét về trình tự, thủ tục ban hành Công văn trả lời số 766/UBND-NC ngày 17/3/2025 của Chủ tịch UBND huyện N (nay là UBND xã Đ), Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã Đ, Hội đồng xét xử thấy các quyết định được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại và pháp luật có liên quan.

- Về thời hiệu khởi kiện quyết định hành chính: Quyết định số 668 ban hành ngày 03/10/2025; ngày 25/9/2025 ông H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, nên còn thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

- Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 3 – Đ đã bị giải thể, hiện chưa có đơn vị nào thay thế. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng vẫn đảm bảo nội dung giải quyết vụ án.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của người khởi kiện ông Trương Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về nội dung giải quyết vụ án: Người khởi kiện ông Trương Văn H yêu cầu hủy Công văn trả lời số 766/UBND-NC ngày 17/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; yêu cầu hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã Đ; buộc Chủ tịch xã Đ thực hiện bồi thường giá trị đất đối với diện tích 12.229,4m² tại thửa số 20, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau, cây trồng, vật nuôi, nhà ở, vật kiến trúc gắn liền với đất, đầu tư chi phí vào đất, chi phí di chuyển tài sản, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho ông theo Luật Đất đai năm 2024; buộc Chủ tịch UBND xã Đ thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

[3.2] Về nguồn gốc đất, khu vực đất vành đai sân bay N là đất quốc phòng, trước năm 1992 do đơn vị K51 thuộc Vùng 5 Hải quân quản lý; được thể hiện tại cuộc họp ngày 16/10/1989 về việc giải quyết ranh giới phạm vi căn cứ Hải quân Năm Căn giữa Bộ Tư lệnh vùng 5 Hải quân và UBND huyện N. Trách nhiệm của UBND huyện N giải tỏa số hộ dân cư trú ấp S nằm trong phạm vi đất quân sự; tạo 01 đường ranh dọc đường K đào cách 100m để phân định ranh giới đất quân sự và địa phương theo tinh thần cuộc họp ngày 16/10/1989.

Từ ngày 07/6/1992, Quân khu I giao Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh M và Ban Chỉ huy quân sự huyện N quản lý, sử dụng.

Ngày 05/3/1994, UBND tỉnh M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy chứng nhận) cho Tỉnh đội M1, diện tích 1.050.000m², tại thị trấn N, huyện N.

Tại Quyết định số 11/QĐ-UBND, ngày 07/01/2008 của UBND tỉnh C thu hồi đất của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh C diện tích 204,785,9m² và tại Quyết định số 12/QĐ-UBND, ngày 07/01/2008, UBND tỉnh C giao toàn bộ diện tích đất 204,785,9m² cho UBND thị trấn N quản lý.

Ngày 09/12/2010, chuyển giao và cấp Giấy chứng nhận số BD 500039 cho

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh C, với diện tích 916.315,2m², thửa số 24, thuộc tờ bản đồ số 38.

Tại Quyết định số 2709/QĐ-TM ngày 22/11/2021 của Tổng Tham mưu trưởng Q1 về việc điều chuyển quyền quản lý, sử dụng khoảng 50 ha đất quốc phòng do Quân khu I đang quản lý tại sân bay N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau cho Tổng cục Q quản lý, sử dụng vào mục đích quốc phòng. Tại Điều 1 có nội dung: điều chuyển quyền quản lý, sử dụng khoảng 50 ha đất quốc phòng...; trong đó: Khoảng 13,6ha đất không bị lấn chiếm và 36,4ha thuộc khu đất quốc phòng, 73,4ha bị lấn chiếm (có sơ đồ khu đất kèm theo).

Từ những nội dung trên đã xác định từ năm 1989 đã có văn bản xác định đất quốc phòng; diện tích đất bị thu hồi của ông H thuộc đất quốc phòng.

Tại Biên bản số 1093/BB-QK ngày 23/4/2024 họp thống nhất giải quyết một số vấn đề còn khó khăn, vướng mắc trong hỗ trợ giải phóng mặt bằng di dời các hộ gia đình, cá nhân; chủ trì cuộc họp có Phó tư lệnh Quân khu I và Phó Chủ tịch UBND tỉnh C, thành phần tham dự: đại diện Quân khu I; đại diện lãnh đạo các sở ban ngành của tỉnh Cà Mau; Cục G1, Q. Nội dung cuộc họp:

- Về kinh phí, ngày 28/02/2024 Bộ trưởng Bộ Q ký quyết định số 743/QĐ-BQP về việc giao dự toán ngân sách chi thường xuyên cho quốc phòng, trong đó bố trí vốn để hỗ trợ giải phóng mặt bằng di dời các hộ dân tại sân bay N.

- UBND tỉnh C phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Xét thấy những tồn tại trên khu đất này do công tác quản lý đất đai trước đây còn thiếu chặt chẽ, mang yếu tố lịch sử để lại, việc lấn chiếm đất trong thời gian dài chưa được giải quyết, xử lý dứt điểm. Do đó, để tháo gỡ khó khăn, giải quyết dứt điểm vụ việc, thống nhất khi xem xét thực hiện thu hồi đất, hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thì không bồi thường, hỗ trợ về đất, mà chỉ hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, nhà ở, công trình vật kiến trúc để người dân di dời ổn định cuộc sống và sản xuất.

Căn cứ khoản 1 Điều 15 Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính Phủ, trên cơ sở ý kiến của các cơ quan chuyên môn và chỉ đạo của đồng chí Phó Tham mưu trưởng Q1; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện N thực hiện nhiệm vụ lập phương án hỗ trợ.

Tại Biên bản số 147/BB-STNMT ngày 26/8/2024 kết luận: đồng ý chủ trương hỗ trợ khác chi phí đầu tư vào đất đối với các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quốc phòng với mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản và trồng cây lâu năm trước ngày 01/7/2014; mức hỗ trợ bằng 40% giá đất cùng loại theo Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành nhân với diện tích đất đang sử dụng. Ông H được hỗ trợ về đất theo phương án số 10/PA-UBND ngày 14/10/2024 là 293.505.600 đồng và hỗ trợ về cây trồng trên đất là 164.200.000 đồng theo phương án số 10/PA-UBND ngày 14/10/2024 của UBND huyện N, về việc hỗ trợ thực hiện dự án vị trí đóng quân Cục 72/Tổng cục G.

[4] Xét phần đất diện tích 12.229,4m² (*mặt nước nuôi trồng thủy sản*) tại thửa số 20, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau mà ông H đang sử dụng, kết quả xác minh thể hiện phần đất này có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Trịnh Hồng H1 vào năm 1997. Quá trình sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không kê khai đăng ký đất đai, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Theo khoản 3 và khoản 4 Điều 101 Luật Đất đai năm 2024 quy định trường hợp không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó có trường hợp đất thuộc diện vi phạm pháp luật về đất đai hoặc người sử dụng đất không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ nguồn gốc và quá trình sử dụng đất nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Trương Văn H không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng và không thuộc trường hợp được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi.

[5] Đối với kháng cáo của ông Trương Văn H cho rằng các cơ quan nhà nước chưa áp dụng đầy đủ các quy định của Luật Đất đai năm 2024 để hỗ trợ khi thu hồi đất, Hội đồng xét xử thấy rằng các chế độ hỗ trợ này phải được xem xét trên cơ sở nguồn gốc đất, điều kiện sử dụng đất và đối tượng được hưởng theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này, diện tích đất ông H sử dụng thuộc phạm vi đất quốc phòng do Nhà nước quản lý; ông H không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp, không kê khai đăng ký sử dụng đất và không đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, tài liệu hồ sơ thể hiện khi thực hiện dự án, Chủ tịch UBND tỉnh C đã có văn bản xin ý kiến Bộ Q và được thống nhất chủ trương xem xét vận dụng quy định pháp luật để hỗ trợ có lợi cho các hộ bị ảnh hưởng, trong đó có hộ ông H. Do đó, việc ông H cho rằng các cơ quan Nhà nước không thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ theo Luật Đất đai năm 2024 là không có căn cứ.

[6] Đối với kháng cáo của người khởi kiện cho rằng công Văn 1584/BQP-PM ngày 27/02/2015 của Bộ Q đồng ý chuyển giao 734.650m² đất do Ban Chỉ huy quân sự huyện N thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh C cho địa phương quản lý. Tuy nhiên, đất do địa phương quản lý nhưng nguồn gốc là đất quốc phòng, việc thu hồi, bồi hoàn, hỗ trợ chuyển giao phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, nguồn gốc đất quốc phòng. Mặc khác, từ ngày Bộ Q có chủ trương chuyển giao đất cho địa phương quản lý ngày 27/02/2015 đến nay ông Trương Văn H vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ đó UBND tỉnh C đã có chính sách hỗ trợ về đất: Hỗ trợ các hộ dân sử dụng đất quốc phòng trước ngày 01/7/2014 mức hỗ trợ bằng 40% giá đất cùng loại theo bảng giá đất do UBND tỉnh C ban hành tương ứng với diện tích đất đang sử dụng. Do đó, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện N đã áp giá hỗ trợ về đất cho ông H mức 40% là đúng quy định và hỗ trợ khác đối với cây trồng theo quy định tại QĐ 40 ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh C.

[7] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, người khởi kiện yêu cầu hủy án do vi phạm tố tụng là không có căn cứ chấp nhận. Về nội dung vụ án bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H là có căn cứ pháp

luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau thấy rằng, sau khi người khởi kiện nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại và không đồng ý với Quyết định với lý do áp dụng pháp luật đất đai chưa phù hợp, không có ý kiến về thủ tục giải quyết. Đối với thủ tục công khai chứng cứ, Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản vắng mặt đương sự tại phiên họp công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 138 Luật tổ tụng hành chính; người khởi kiện đã có đơn yêu cầu sao chụp tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử cũng không ảnh hưởng bản chất vụ việc và vẫn đảm bảo quyền lợi của các đương sự, nên không cần thiết hủy án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Án phí sơ thẩm, phúc thẩm: ông Trương Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2026/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H về việc: Yêu cầu hủy Công văn trả lời số 766/UBND-NC ngày 17/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; yêu cầu hủy Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã Đ; Buộc Chủ tịch xã Đ thực hiện bồi thường giá trị đất đối với diện tích 12.229,4m² tại thửa số 20, tờ bản đồ số 01 toạ lạc ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau, cây trồng, vật nuôi, nhà ở, vật kiến trúc gắn liền với đất, đầu tư chi phí vào đất, chi phí di chuyển tài sản, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho ông theo Luật Đất đai năm 2024; Buộc Chủ tịch UBND xã Đ thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 600.000 đồng, ông Trương Văn H phải chịu chi phí này, ông H đã nộp xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trương Văn H phải chịu. Ngày 22/10/2025, ông H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002895 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu ngân sách Nhà nước.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trương Văn H phải chịu 300.000 đồng. Đã qua ông H có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000609 ngày 13/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển sang thu.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn A Đam